TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 65/2023/HNGĐ - ST Ngày: 29/5/2023 V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung và yêu cầu hủy quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Đoàn Hạnh Trang**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Thạch Thị Lan Nhung**

Bà **Ngô Thị Luân**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Lê Văn Cương** – là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Ông **Mai Trường Trinh -** Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 433/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung và yêu cầu hủy quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn TT 1, xã TH, huyện LH, tỉnh LĐ.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn TT 1, xã TH, huyện LH, tỉnh LĐ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Vợ cH ông **Trần Văn T**, sinh năm: 1965

Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1965

Địa chỉ: Thôn TT 1, xã TH, huyện LH, tỉnh LĐ.

3.2. Ngân hàng TMCP Đ và P.

Trụ sở: 35 HV, quận HK, thành phố HN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phan Đức T** - Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Đ và P.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Xuân H** - chức vụ: Giám đốc chi nhánh ĐL.

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông **Trần Ngọc** - Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch TH.

Địa chỉ: Thôn LT, xã TH, huyện LH, tỉnh LĐ.

3.3. Ủy ban nhân dân huyện LH.

Địa chỉ: Thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đinh Đức C** – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LH được giao nhiệm vụ phụ trách, điều hành Ủy ban nhân dân huyện LH.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Minh A** – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LH.

Theo văn bản ủy quyền số 40/UQ-UBND ngày 05/4/2023 của Ủy ban nhân dân huyện LH.

(Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T, ông Trần Văn T có mặt. Bà Nguyễn Thị T, ông Trần Ngọc, ông Nguyễn Minh An vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà Nguyễn Thị H xây dựng gia đình với ông Nguyễn Văn T vào năm 1998, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hà, huyện Lâm Hà vào ngày 30/12/1998. Vợ cH chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà bất đồng quan điểm trong việc phát triển kinh tế gia đình và ông T có đánh đập bà. Đã nhiều lần bà H khuyên ông T với mong muốn ông T thay đổi để vợ cH cùng nhau nuôi con nhưng không được. Do vợ cH mâu thuẫn ngày càng nhiều nên vợ cH đã ly thân từ tháng 6/2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ cH không liên lạc để hàn gắn tình

cảm, nay bà H xác định không còn tình cảm nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà H xác định vợ cH có 03 con chung là Nguyễn Thị TNhung, sinh ngày 03/5/1999, Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 18/5/2001 và Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 11/5/2009. Hiện nay cháu Nhung và cháu Quỳnh đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường nên khi ly hôn bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi con là Nguyễn Thị Ngọc A và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H xác định bà H và ông T có tạo lập được tài sản chung là diện tích đất 151m^2 (đất có chiều rộng là 5m) thuộc thửa 1096 tờ bản đồ 13, xã Tân Hà, đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 133324 đứng tên ông Nguyễn Văn T, nguồn gốc là nhận chuyển nhượng của bố mẹ bà H là ông Nguyễn Văn K, bà Cấn Thị T. Sau khi nhận chuyển nhượng ông T bà H làm nhà thì ông K, bà T có cho thêm ông bà 01m chiều rộng thuộc một phần thửa 1097 để làm nhà ở cho thoải mái nên tổng cộng chiều rộng của lô đất là 6m, trên đất có một ngôi nhà cấp bốn diện tích khoảng 130m^2. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được nhận nhà đất nêu trên và bà H sẽ thanh toán lại cho ông T 800.000.000đồng. Nếu ông T không đồng ý thì bà H yêu cầu Tòa án căn cứ vào kết quả định giá tài sản để giải quyết vụ án, bà H sẽ thanh toán lại cho ông T ½ giá trị tài sản theo kết quả định giá.

Về nợ chung: Bà H xác định không có nợ chung nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà H không yêu cầu gì thêm.

2. Tại Bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông Nguyễn Văn T xây dựng gia đình với bà Nguyễn Thị H trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hà, huyện Lâm Hà vào ngày 30/12/1998. Vợ cH ông bà chung sống có mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ không đáng kể. Đến năm 2020 thì mâu thuẫn nhiều hơn do vợ cH bất đồng quan điểm trong mọi vấn đề, ông cũng không đánh đập bà H như bà H trình bày mà do bà H nghi ngờ ông có người phụ nữ khác nên vợ cH thường xuyên cãi nhau. Vợ cH đã ly thân từ tháng 10/2021, nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông T xác định ông không muốn ly hôn vì lý do ông không muốn các con ông sống trong gia đình không đầy đủ cha mẹ. Tuy nhiên, nếu bà H cương quyết yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ cH có 03 con chung như bà H trình bày là đúng. Hiện nay cháu Nhung và cháu Quỳnh đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường

nên khi ly hôn ông T không yêu cầu Tòa án xem xét. Khi ly hôn ông T yêu cầu được nuôi cháu Ánh và không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ cH ông T có diện tích đất 151m^2 (chiều rộng là 5m) thuộc thửa 1096 tờ bản đồ 13, xã Tân Hà, nguồn gốc là nhận chuyển nhượng của bố mẹ vợ là ông K, bà T. Sau đó khi vợ cH ông T làm nhà thì vợ cH có mua thêm 01m chiều rộng của bố mẹ bà H để làm nhà ở cho thoải mái. Khi ly hôn ông T yêu cầu Tòa án giao cho ông T diện tích đất cùng toàn bộ công trình trên đất theo kết quả đo đạc là 148m^2 thuộc thửa 1096 và 45m^2 thuộc một phần thửa 1097 tờ bản đồ 13, xã Tân Hà, huyện Lâm Hà. Ông T sẽ thanh toán lại cho bà H ½ giá trị tài sản theo kết quả định giá là 495.860.000đồng. Đồng thời ngày 26/9/2022 ông T có đơn yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị T đối với diện tích đất 45m^2 thuộc một phần thửa 1097, tờ bản đồ 13 xã Tân Hà.

Về nợ chung: Ông T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra ông T không trình bày gì thêm.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị T trình bày: Khoảng năm 2017, ông Nguyễn Văn K, bà Cấn Thị T có làm thủ tục tặng cho riêng bà T diện tích đất thuộc thửa 1097, tờ bản đồ 13, xã Tân Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng, đã làm thủ tục sang tên cho bà T theo quy định của pháp luật. Nguồn gốc đất thửa 1096 và thửa 1097 trước đây đều là của bố mẹ bà T là ông K, bà T, sau đó bố mẹ bà T tách ra bán cho ông T bà H 05m chiều rộng, khi ông T bà H làm nhà thì ông Khoản bà Tuất có cho thêm ông T bà H 01m chiều rộng để làm nhà. Sau đó thì ông Khoản bà Tuất mới cho bà T phần còn lại của thửa đất 1097. Về thời gian cụ thể thì bà T không nhớ, bà T chỉ nhớ khi bà tiếp quản thửa 1097 thì ông T, bà H đã làm nhà và sinh sống ổn định trên diện tích đất này. Mặc dù diện tích 45m^2 thuộc một phần thửa 1097 do bà T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng thực tế thì diện tích đất này ông K, bà T đã cho ông T bà H từ trước không liên quan đến bà T nên bà T không có yêu cầu gì trong vụ án này. Hiện bà T đang thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên để vay tiền tại Ngân hàng BIDV Tân Hà.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP đầu tư phát triển Việt Nam do người đại diện tham gia tố tụng là ông Trần Ng trình bày: Bà Nguyễn Thị T hiện có dư nợ 1.500.000.000đồng theo hợp đồng tín dụng số 405/2022/9394567/HĐTD ký kết ngày 30/3/2022 với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS665462 do Uỷ ban nhân dân huyện Lâm Hà cấp ngày

21/02/2014, thửa đất số 1097, tờ bản đồ 13, xã Tân Hà, huyện Lâm Hà, Lâm Đồng. Ngân hàng TMCP Đ và P, chi nhánh Đà Lạt, Phòng giao dịch Tân Hà đồng ý tiếp tục để bà Nguyễn Thị T vay vốn tại Ngân hàng trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng, tiếp tục duy trì biện pháp thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 405/2022/9394567/HĐBĐ ký kết ngày 30/3/2022 và không có yêu cầu gì liên quan trong việc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T sử dụng 45m^2 thửa 1907, tờ bản đồ 13 thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị T.

5. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện LH do người đại diện tham gia tố tụng là ông Nguyễn Minh An trình bày:* Thửa 476 tờ bản đồ 13 xã Tân Hà có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn Hoán, bà Đỗ Thị Phượng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 665462 ngày 21/02/2014. Ngày 21/7/2014 ông Hoán, bà Phượng lập hợp đồng cho tặng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho ông Nguyễn Văn K, bà Cấn Thị T. Ngày 22/9/2015 ông K, bà T có đơn đề nghị tách thửa đất 476 tờ bản đồ 13 xã Tân Hà thành 02 thửa đất. Ngày 13/10/2015 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lâm Hà lập, ký duyệt họa đồ đo đạc bản đồ địa chính thửa đất, tách thửa 476 thành thửa 1096 diện tích 151m^2 (50m^2 đất ở nông thôn, 101m^2 đất trồng cây lâu năm) và thửa 1097 diện tích 1.928m^2 (350m^2 đất ở nông thôn, 1578m^2 đất trồng cây lâu năm) tờ bản đồ 13 xã Tân Hà cho ông K, bà T. Cùng ngày Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lâm Hà ban hành thông báo 886-TB/VPĐK ngày 13/10/2015 về việc cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính đối với các thửa đất trên, vào sổ theo dõi hồ sơ tách thửa số 655TDTT-VPĐKĐĐ Lâm Hà ngày 24/10/2015. Như vậy, việc tách thửa, hợp thửa đất của ông K, bà T đã được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 145 Nghị định 181/2014/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất Đai. Do đó, việc ông Nguyễn Văn T yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 45m^2 thuộc một phần thửa 1097, tờ bản đồ 13 xã Tân Hà là không có cơ sở. Ủy ban nhân dân huyện LH yêu cầu Tòa án xác minh làm rõ nguồn gốc, quá trình chuyển quyền sử dụng đất của các bên để xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Vì vậy, Tòa án triển khai đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T thống nhất giải quyết ly hôn. Giao con là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 11/5/2009 cho bà H nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông T và bà H thống nhất giao nhà đất nêu trên cho ông T quản lý, sử dụng. Ông T có trách nhiệm thanh toán cho bà H số tiền 1.000.000.000đồng (Một tỷ đồng) nhưng bà H yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận trên còn ông T yêu cầu để hai bên tự giải quyết với nhau. Đồng thời, ông T xin rút yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 45m^2 thuộc một phần thửa 1097, tờ bản đồ 13 xã Tân Hà đã cấp cho bà Nguyễn Thị T.

Ngoài ra các bên đương sự không yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà H, xử cho bà H được ly hôn với ông T.

Về con chung: Giao con là Nguyễn Thị Ngọc A cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đề nghị giao cho ông T diện tích đất 148m^2 thuộc thửa 1096 và 45m^2 thuộc một phần thửa 1097 tờ bản đồ 13, xã Tân Hà, huyện Lâm Hà, trên đất có 01 căn nhà có diện tích 139,2m^2; mái che và hệ thống nước. Ông T phải thanh toán lại cho bà H số tiền 1.000.000.000đồng theo sự thỏa thuận của hai bên.

Đình chỉ yêu cầu của ông T về việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 45m^2 thuộc một phần thửa 1097, tờ bản đồ 13 xã Tân Hà đã cấp cho bà Nguyễn Thị T

Về nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Về chi phí tố tụng: Bà H tự nguyện nhận chịu nên cần ghi nhận.

Về án phí: Buộc các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T, ông Trần Văn T có mặt. Bà Nguyễn Thị T, ông Trần Ngọc, ông Nguyễn Minh An vắng mặt. Nhưng bà Thành, ông Ngọc, ông An có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm

2015 cần xem xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ngày 22/11/2021 bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T, yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu chia tài sản chung của vợ cH. Ngày 26/9/2022 ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 34 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, Điều 58, Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung và yêu cầu hủy quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức*" là phù hợp. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T xây dựng gia đình với nhau năm 1998 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 30/12/1998 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Quá trình chung sống ông bà hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nên bà H làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tại phiên tòa, bà H xác định do vợ cH không hợp nhau, ông T hay đánh đập bà H, đến nay bà H không còn tình cảm với ông T nên bà H giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Còn ông T xác định do vợ cH không hợp nhau nên thường xuyên cãi nhau chứ ông không đánh đập bà H, bà H yêu cầu ly hôn thì ông T đồng ý.

Xét thấy, bà H và ông T phát sinh mâu thuẫn là do ông bà bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên không thông cảm, chia sẻ được cho nhau nên thường hay xung đột, trong những lúc nóng giận hai bên đã có những lời nói, hành động thiếu tế nhị xúc phạm đến lòng tự trọng của nhau làm cho mâu thuẫn giữa vợ cH ngày càng trầm trọng. Do không tìm được biện pháp để cải thiện quan hệ vợ cH nên vợ cH sống ly thân, trong thời gian ly thân vợ cH không còn sự quan tâm, chăm sóc nhau. Do đó nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không đem lại hạnh phúc cho các đương sự. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của bà H, xử cho bà H và ông T được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[4] Về con chung: Bà H và ông T có 03 con chung là Nguyễn Thị TNhung, sinh ngày 03/5/1999, Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 18/5/2001 và Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 11/5/2009. Hiện nay cháu Nhung và cháu Quỳnh đã đủ tuổi

trưởng thành và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giao các cháu cho bố hoặc mẹ có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục mà đây là trách nhiệm chung của bà H và ông T đối với các con ông bà.

Tại phiên tòa, bà H và ông T thống nhất giao con là Nguyễn Thị Ngọc A cho bà H nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con. Xét thấy, từ khi bà H và ông T không còn chung sống với nhau thì cháu Ánh vẫn ở nhà cùng bà H. Hiện nay cháu Ánh đã trên 07 tuổi và cháu Ánh trình bày nguyện vọng được sống với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Hơn nữa cháu Ánh là con gái, đang ở độ tuổi bắt đầu có sự thay đổi về tâm sinh lý nên sự gần gũi, quan tâm, chia sẻ của người mẹ sẽ phù hợp hơn. Vì vậy, ông T và bà H thống nhất giao con là Nguyễn Thị Ngọc A cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp nên cần ghi nhận. Về việc cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Ông T bà H xác định quá trình chung sống ông bà có tạo lập được tài sản là diện tích đất theo kết quả đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lâm Hà là 193m^2 (chiều rộng giáp đường bê tông là 6m) gồm 148m^2 thuộc thửa 1906 tờ bản đồ 13 xã Tân Hà đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông T và 45m^2 thuộc một phần thửa 1907 tờ bản đồ 13 xã Tân Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng hiện nay đã được Ủy ban nhân dân huyện LH cấp quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị T. Trên đất có 01 căn nhà ở có diện tích 139,2m^2 được xây móng cột, đà kiềng, sàn bê tông cốt thép, tường gạch tô trát, sơn nước, tầng hầm và tầng trệt; Mái che có diện tích 30m^2 nền bê tông, tường xây gạch một bên khung sắt vách tôn, cửa lá sắt kéo, vì kèo sắt hộp, xà gồ sắt mái lợp tôn; Hệ thống nước gồm chân tháp nước cao 6m, trụ sắt V5, giằng sắt V4, bồn nước Inox hiệu Sơn Hà, dung tích 1000 lít, bình nóng năng lượng mặt trời hiệu Sơn Hà, dung tích 140 lít. Theo chứng thư thẩm định giá do Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai (BL 98-107) cung cấp thì tổng tài sản trên có giá trị 991.700.000đồng gồm diện tích đất 193m^2 có giá là 680.500.000đồng; Nhà ở có diện tích 139,2m^2 có giá là 292.320.000đồng; Mái che có giá trị là 8.400.000đồng, hệ thống nước có giá trị là 10.500.000đồng.

Xét thấy, ông T bà H đều thừa nhận nguồn gốc diện tích thửa 1096, tờ bản đồ 13 xã Tân Hà đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 133324 đứng tên ông Nguyễn Văn T là do ông T bà H nhận chuyển nhượng, theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/12/2015 (BL178-182). Mặc dù trong hợp đồng chuyển nhượng và trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp chỉ do một mình ông T đứng tên nhưng quyền sử dụng đất trên được hình thành trong thời kỳ hôn nhân và ông T, bà H đều thừa nhận đây là tài sản chung của vợ cH. Vì vậy, xác định diện tích đất

151m^2 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) nay theo kết quả đo đạc là 148m^2 thuộc thửa 1096, tờ bản đồ 13 xã Tân Hà, huyện Lâm Hà là tài sản chung của bà H và ông T là phù hợp.

Đối với diện tích đất 45m^2 thuộc một phần thửa 1907 tờ bản đồ 13 xã Tân Hà, thì bà H khai nguồn gốc là do ông K, bà T cho ông T, bà H nhưng không có giấy tờ, còn ông T khai do ông T bà H mua thêm của ông K, bà T nhưng cũng không có giấy tờ chứng minh. Ông K, bà T hiện nay không còn nên Tòa án không đối chất làm rõ được. Hiện nay, thửa 1097 do bà Nguyễn Thị T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 665462 nhưng bà T xác định ông K, bà T cho bà H ông T 45m^2 (01m chiều rộng, chiều dài hết lô đất) từ năm 2015, sau khi cho thì ông T, bà H đã xây nhà trên đất rộng 06m gồm 05m chiều rộng thuộc thửa 1096 và 01m chiều rộng thuộc thửa 1097 nhưng hai bên không hoàn tất thủ tục sang tên 01m đất thửa 1097 cho ông T, bà H. Đến năm 2017 thì ông K, bà T tặng cho bà T phần đất còn lại của thửa 1097 nhưng làm thủ tục tặng cho nguyên thửa 1097 cho bà T nên bà T xác định 45m^2 nêu trên là của ông T, bà H nên bà T không tranh chấp. Như vậy, từ khi ông K, bà T đồng ý giao thêm cho bà H, ông T diện tích đất 45m^2 để ông bà làm nhà thì diện tích đất này đã là tài sản chung của bà H và ông T nên việc mua thêm hay được cho thêm thì đến nay diện tích đất này vẫn là tài sản chung của ông T, bà H.

[6] Diện tích đất và nhà trên đất nêu trên lại không thể chia đôi bằng hiện vật vì không đủ điều kiện tách thửa cũng như không đảm bảo công năng sử dụng của tài sản. Vì vậy, cần giao tài sản trên cho một bên sử dụng và thanh toán ½ giá trị tài sản cho bên còn lại là phù hợp. Tại phiên tòa, ông T và bà H thống nhất thỏa thuận lại giá trị toàn bộ tài sản trên là 2.000.000.000đồng (Hai tỷ đồng), ông T, bà H thống nhất giao toàn bộ tài sản trên cho ông T quản lý sử dụng, ông T sẽ thanh toán cho bà H số tiền 1.000.000.000đồng (Một tỷ đồng). Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của ông T, bà H và việc thỏa thuận không trái với quy định của pháp luật nên cần giao cho ông T quản lý, sử dụng 193m^2 gồm 148m^2 thuộc thửa 1906 và 45m^2 thuộc một phần thửa 1907 tờ bản đồ 13 xã Tân Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng cùng tài sản trên đất, ông T có trách nhiệm thanh toán cho bà H số tiền 1.000.000.000đồng (Một tỷ đồng) là phù hợp.

[7] Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H khẳng định bà H đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 133324 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp đứng tên ông Nguyễn Văn T. Vì vậy, để đảm bảo cho việc thi hành án và hoàn tất thủ tục đăng ký biến động sau này cần buộc bà H giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông T là phù hợp.

[8] Đối với yêu cầu của ông T về việc yêu cầu hủy đăng ký biến động tại trang IV của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 665462 đối với diện tích đất 45m^2 thuộc một phần thửa 1097 đứng tên bà Nguyễn Thị T thì thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, Ủy ban nhân dân huyện LH khẳng định việc tách thửa, hợp thửa đất, chuyển nhượng, tặng cho của ông K, bà T đã được thực hiện đúng theo quy định. Do đó, việc ông T yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có cơ sở. Đồng thời, như đã nhận định phân tích nêu trên thì năm 2015 ông K, bà T giao 45m^2 cho ông T, bà H sử dụng không có giấy tờ gì, sau khi sử dụng đất hai bên không liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh đăng ký biến động sang tên 45m^2 này cho ông T, bà H là do lỗi của các bên. Quá trình giải quyết vụ án bà T cũng xác định 45m^2 nêu trên là của ông T, bà H nên bà T không tranh chấp và đồng ý hợp tác để làm thủ tục đăng ký biến động cho các bên theo quy định. Tại phiên tòa, ông Tuynh cH bà T khẳng định hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 665462 vợ cH ông Tuynh, bà T đang giữ, ông bà không thế chấp cho tổ chức, cá nhân nào khác và ông bà cũng mong muốn hoàn tất thủ tục 01m đất trên cho ông T, bà H để ông Tuynh bà T ổn định việc sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Đồng thời, theo hướng dẫn tại Công văn 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao thì không cần tuyên hủy phần điều chỉnh trang IV của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 665462 mà Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lâm Hà căn cứ vào Bản án của Tòa án để giải quyết, điều chỉnh lại đăng ký biến động đã đăng ký cho bà Thành. Vì vậy, tại phiên tòa ông T xin rút yêu cầu hủy đăng ký biến động tại trang IV của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 665462 đối với diện tích đất 45m^2 thuộc một phần thửa 1097 đứng tên bà Nguyễn Thị T nên cần đình chỉ yêu cầu này của ông T là phù hợp.

[9] Quá trình giải quyết vụ án, bà T khai đã thế chấp thửa đất số 1097, tờ bản đồ số 13, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 665462 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển việt Nam, Chi nhánh Lâm Đồng, Phòng giao dịch Tân Hà để vay số tiền 1.500.000.000đồng. Nhưng đến ngày 12/5/2023 bà T đã trả dứt điểm nợ vay cho Ngân hàng, đồng thời phía Ngân hàng cũng đã gửi văn bản xác nhận bà T đã trả dứt điểm số tiền vay tại Ngân hàng nên Ngân hàng không có yêu cầu gì trong vụ án này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[10] Về nợ chung các đương sự xác định không có và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[11] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị H có yêu cầu đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp, bà H nộp chi phí tố tụng là 12.883.813đồng. Xét thấy, việc đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ và

định giá tài sản là cần thiết cho việc giải quyết vụ án, tại phiên tòa bà H tự nguyện nhận chịu và số tiền này đã được quyết toán xong nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[12] Về án phí: Căn cứ điểm a, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; Đồng thời, buộc bà H, ông T mỗi người phải chịu 42.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản mỗi người được chia.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 33, Điều 38, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 217, khoản 1 Điều 227 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H, xử cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao con là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 11/5/2009 cho bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/ Về tài sản chung: Giao cho ông Nguyễn Văn T quản lý, sử dụng diện tích đất 193m^2 gồm 148m^2 thuộc thửa 1096 tờ bản đồ số 13 xã Tân Hà theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC133324 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 26/4/2016 cho ông Nguyễn Văn T và diện tích đất 45m^2 thuộc một phần thửa 1097 tờ bản đồ số 13 xã tân Hà Hà theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 665462 đứng tên bà Nguyễn Thị T. Đất tọa lạc tại Thôn TT 1, xã

TH, huyện LH, tỉnh LĐ cùng toàn bộ công trình xây dựng trên đất gồm: Nhà ở có diện tích 139,2m^2 được xây móng cột, đà kiềng, sàn bê tông cốt thép, tường gạch tô trát, sơn nước, tầng hầm và tầng trệt; Mái che có diện tích 30m^2 nền bê tông, tường xây gạch một bên khung sắt vách tôn, cửa lá sắt kéo, vì kèo sắt hộp, xà gồ sắt mái lợp tôn; Hệ thống nước gồm chân tháp nước cao 6m, trụ sắt V5, giằng sắt V4, bồn nước Inox hiệu Sơn Hà, dung tích 1000 lít, bình nóng năng lượng mặt trời hiệu Sơn Hà, dung tích 140 lít; *(Có trích lục họa đồ kèm theo)*. Đồng thời, ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền 1.000.000.000đồng (Một tỷ đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị H phải giao lại cho ông Nguyễn Văn T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 133324 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 26/4/2016 cho ông Nguyễn Văn T.

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai, điều chỉnh biến động Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo quy định của pháp luật và phù hợp với hiện trạng thực tế các bên đang sử dụng.

Bà Nguyễn Thị H được chia số tiền 1.000.000.000đồng (Một tỷ đồng) do ông Nguyễn Văn T thanh toán.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (khi án đã có hiệu lực pháp luật) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lâm Hà căn cứ vào Bản án của Tòa án để giải quyết điều chỉnh đăng ký biến động diện tích đất 45m^2 thuộc một phần thửa 1097 tờ bản đồ số 13 xã Tân Hà (phần sang tên cho bà Nguyễn Thị T ngày 12/01/2017) đã đăng ký tại trang IV giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 665462 do Ủy ban nhân dân huyện LH cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Hoán, bà Đỗ Thị Phượng ngày 21/02/2014; Ngày 18/8/2014 cho tặng ông Nguyễn Văn K, bà Cấn Thị T; Ngày 14/10/2015 tách thành 02 thửa 1096, 1097, tờ bản đồ số 13 xã Tân Hà; Ngày 12/01/2017 cho tặng bà Nguyễn Thị T thửa 1097 tờ bản đồ số 13 xã Tân Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

5. Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu hủy đăng ký biến động tại trang IV của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 665462 đứng tên bà Nguyễn Thị T đối với diện tích đất 45m^2 thuộc một phần thửa 1097 tờ

bản đồ số 13 xã Tân Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

6. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 42.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản, cộng chung là 42.300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị H đã nộp là 2.800.000đồng theo biên lai thu tiền số 0002791 ngày 10/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, bà Nguyễn Thị H còn phải nộp 39.500.000đồng (Ba mươi chín triệu, năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm

Ông Nguyễn Văn T phải chịu 42.000.000đồng (Bốn mươi hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/5/2023), các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, BP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trịnh Đoàn Hạnh Trang